

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01/10/2019

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Bảo và ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1976 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng P, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào năm 1997 ông, bà đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, cách sống, hay cãi nhau vì những việc nhỏ nhặt trong gia đình, ông P thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà S đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

Về con chung: ông, bà có 04 con chung là cháu Nguyễn Thanh X, sinh năm 1998 (đã đủ tuổi trưởng thành); cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 19/6/2002; cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 09/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày

13/6/2007. Nếu được ly hôn thì bà S đồng ý giao các cháu(03 cháu) Nguyễn Quang H, sinh ngày 19/6/2002; cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 09/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 13/6/2007 cho ông Nguyễn Trọng P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng P: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Mặc dù đã nhận được các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông P từ chối ký nhận biên bản, không hợp tác với Tòa án và không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại ông Nguyễn Trọng P có mặt tại địa phương nhưng ông P cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Trọng P.

- Kết quả thu thập chứng cứ:

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông P với bà S là do trong thời gian sống chung không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bà S hay bỏ đi không về nhà nên ông, bà đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 19/6/2002; cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 09/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 13/6/2007 cho ông Nguyễn Trọng P trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về tài sản và công nợ: Không có.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Trọng P có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng P, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Trọng P vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không tiến hành hòa giải được; Ngày 16/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho ông Nguyễn Trọng P biết toàn bộ nội dung kết quả mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã hai lần được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Trọng P vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của ông Nguyễn Trọng P đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Trọng P phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Trọng P là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Trọng P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận kết hôn số 110, ngày 23/12/1997. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân với nhau từ tháng 6/2019 nên không còn khả năng đoàn tụ. Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, bà S thừa nhận bà không còn tình cảm với ông P, không muốn tiếp tục chung sống với nhau nữa và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống vì hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Ông, bà đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của ông, bà thật sự không đạt được mục đích. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ cần căn cứ vào Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà S và giải quyết cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 19/6/2002; cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 09/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 13/6/2007 cho ông Nguyễn Trọng P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các

cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, ông Nguyễn Trọng P không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Trọng P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 19/6/2002; cháu Nguyễn Thị Hoài M, sinh ngày 09/6/2005; cháu Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 13/6/2007 cho ông Nguyễn Trọng P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, ông Nguyễn Trọng P không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay

đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001627 ngày 25/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận